

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 52

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là Tổng Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1848/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 5 năm 2003 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4106000101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 dưới hình thức Tổng Công ty – Công ty mẹ.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển đổi từ Tổng Công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 3067/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301151147 ngày 18 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và nội địa, khách sạn, ăn uống, vũ trường, vui chơi giải trí, vận chuyển khách trong và ngoài nước, cho thuê nhà, xưởng, văn phòng, căn hộ, kho bãi, sửa chữa bảo trì ô tô, xe gắn máy;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng, vật tư, ô tô, xe gắn máy và phụ tùng các loại, nữ trang, vàng bạc, đá quý, rượu, bia, nước giải khát; tư vấn thi công các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, công trình dân dụng, công nghiệp, nhà xưởng, kho, bến bãi; dịch vụ khu công nghiệp và cảng; và
- Đại lý ký gửi hàng hóa.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 27 Đường Nguyễn Trung Trực, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 7 chi nhánh, đơn vị trực thuộc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Văn Quang	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2015
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Thi	Thành viên	
Ông Tê Trí Dũng	Thành viên	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 9 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Minh Hoàng	Kiểm soát viên phụ trách
Bà Lại Thị Thanh Phương	Kiểm soát viên

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2015
	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2015
Ông Tề Trí Dũng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Thi	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2015
Ông Hoàng Tâm Hoà	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bình Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 và Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.


Ban Tổng Giám đốc.

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 60950932/17794133

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên của Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang trong quá lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Le Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2013-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 4 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.401.829.931.580	809.243.211.175
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	787.014.617.469	212.307.853.793
111	1. Tiền		449.914.617.469	105.109.319.863
112	2. Các khoản tương đương tiền		337.100.000.000	107.198.533.930
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		349.754.863.000	320.889.102.915
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	327.963.674.615	375.333.250.615
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(58.208.811.615)	(54.444.147.700)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	80.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		125.209.328.715	147.781.804.760
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	8.006.701.033	2.497.508.059
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	53.874.595.247	1.426.525.635
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	63.328.032.435	143.857.771.066
140	IV. Hàng tồn kho		137.530.866.484	123.862.876.833
141	1. Hàng tồn kho	8	137.530.866.484	123.862.876.833
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.320.255.912	4.401.572.874
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	808.711.535
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.320.255.912	3.592.861.339
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.724.470.504.930	1.685.350.350.351
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		405.000.000	397.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		405.000.000	397.000.000
220	II. Tài sản cố định		23.156.898.805	24.353.035.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	20.385.158.268	21.490.975.884
222	Nguyên giá		48.569.905.990	48.384.696.308
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(28.184.747.722)	(26.893.720.424)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2.771.740.537	2.862.059.541
228	Nguyên giá		4.085.166.549	4.085.166.549
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.313.426.012)	(1.223.107.008)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	27.581.087.885	16.889.484.343
231	1. Nguyên giá		73.159.903.453	80.576.647.680
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(45.578.815.568)	(63.687.163.337)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		388.030.801.172	278.291.455.594
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	388.030.801.172	278.291.455.594
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.283.404.063.238	1.363.470.537.778
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	408.502.578.381
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.289.031.689.906	1.013.309.239.906
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.641.716.000	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.269.342.668)	(58.341.280.509)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.892.653.830	1.948.837.211
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		25.383.170	81.566.551
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.2	1.867.270.660	1.867.270.660
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.126.300.436.510	2.494.593.561.526

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		800.068.017.498	512.077.122.060
310	I. Nợ ngắn hạn		339.128.397.458	153.244.707.363
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		176.816.710	1.753.850.245
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	13.360.620.522	15.357.711.764
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.278.134.007	749.982.867
314	4. Phải trả người lao động		7.944.540.336	12.993.205.220
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	31.930.573.507	33.296.335.228
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	2.290.867.264	2,502,028,544
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	136.233.372.718	39.790.736.573
320	8. Vay ngắn hạn	19	141.001.840.000	39.266.952.144
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	4.911.632.394	7.533.904.778
330	II. Nợ dài hạn		460.939.620.040	358,832,414,697
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	2.588.127.898	3,277,347,392
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	421.898.982.120	310.608.067.305
338	3. Vay dài hạn	19	31.631.000.000	44.947.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	4.821.510.022	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.326.232.419.012	1.982.516.439.466
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	2.326.232.419.012	1.982.516.439.466
411	1. Vốn điều lệ		1.803.051.362.493	1.707.188.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		-	17.917.584.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	125.278.032.219
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		443.618.985.332	32.127.149.143
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.562.071.187	100.005.674.104
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		148.811.668	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		79.413.259.519	100.005.674.104
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.494.593.561.526	2.494.593.561.526

Huỳnh Kim Tâm
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

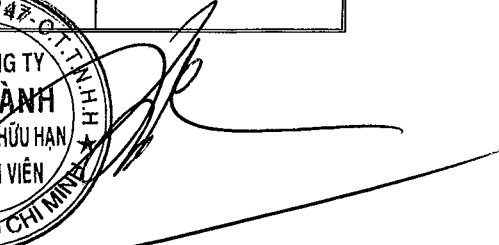
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	234.301.191.129	170.155.527.801
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(200.277.167.901)	(94.074.175.413)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34.024.023.228	76.081.352.388
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	142.943.305.641	176.269.079.784
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	26	27.027.034.290 (7.433.619.220)	(47.341.311.080) (9.923.654.441)
25	6. Chi phí bán hàng		(956.126.668)	(306.076.139)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(43.014.075.814)	(42.746.578.239)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		160.024.160.677	161.956.466.714
31	9. Thu nhập khác	27	3.269.091.911	4.517.951.322
32	10. Chi phí khác	27	(2.408.426.735)	(21.326.384.011)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	860.665.176	(16.808.432.689)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160.884.825.853	145.148.034.025
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(628.710.982)	(5.505.218.448)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.2	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		160.256.114.871	139.642.815.577



Huỳnh Kim Tâm
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		160.884.825.853	145.148.034.025
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10, 11	7.286.949.682	4.768.881.417
03	(Hoàn nhập dự phòng) trích lập dự phòng		(42.307.273.926)	35.690.107.495
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(131.909.612.144)	(174.507.395.020)
06	Chi phí lãi vay	26	7.433.619.220	9.923.654.441
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.388.508.685	21.023.282.358
09	Tăng các khoản phải thu		(52.063.278.530)	(4.086.375.398)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(13.667.989.651)	50.354.259.092
11	Tăng các khoản phải trả		196.798.358.503	80.880.342.584
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		864.894.916	(152.295.946)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		74.234.770.000	-
14	Lãi vay đã trả		(7.103.878.756)	(10.158.339.281)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29.1	(561.152.000)	(7.460.840.177)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		411.032.339.333	34.020.418
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.147.802.563)	(4.994.115.770)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		603.774.769.937	125.439.937.880
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(126.574.143.117)	(10.963.249.369)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		461.363.987	566.709.091
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(80.000.000.000)	(12.000.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	78.441.952.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(18.253.330.000)	(50.104.520.000)
26	Tiền thu hồi từ bán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		89.442.150.000	6.403.320.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		148.633.907.479	176.563.484.358
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		13.709.948.349	188.907.696.080

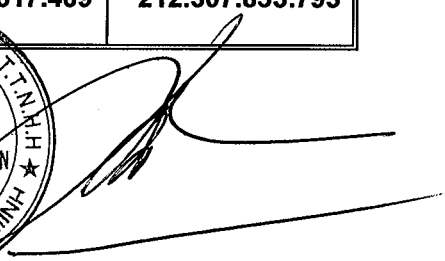
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		223.258.126.000	110.121.382.283
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(134.839.238.144)	(135.123.307.060)
36	Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	22.1	(131.196.842.466)	(146.387.510.911)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(42.777.954.610)	(171.389.435.688)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		574.706.763.676	142.958.198.272
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		212.307.853.793	69.349.655.521
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	787.014.617.469	212.307.853.793


Huỳnh Kim Tâm
Người lập


Nguyễn Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc



Ngày 31 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là Tổng Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1848/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 5 năm 2003 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4106000101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 7 năm 2005 dưới hình thức Tổng Công ty – Công ty mẹ.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển đổi từ Tổng Công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Quyết định số 3067/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301151147 ngày 18 tháng 8 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế và nội địa, khách sạn, ăn uống, vũ trường, vui chơi giải trí, vận chuyển khách trong và ngoài nước, cho thuê nhà, xưởng, văn phòng, căn hộ, kho bãi, sửa chữa bảo trì ô tô, xe gắn máy;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng, vật tư, ô tô, xe gắn máy và phụ tùng các loại, nữ trang, vàng bạc, đá quý, rượu, bia, nước giải khát; tư vấn thi công các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, công trình dân dụng, công nghiệp, nhà xưởng, kho, bến bãi; dịch vụ khu công nghiệp và cảng; và
- Đại lý ký gởi hàng hóa.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 27 Đường Nguyễn Trung Trực, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 7 chi nhánh, đơn vị trực thuộc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 145 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 149 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty là công ty mẹ của các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1 và Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ và tổng quát về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính đã ban hành (“Thông tư 200”).

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tổng Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tổng Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tổng Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bất động sản

Hàng tồn kho, chủ yếu là bất động sản được mua hoặc đang được xây dựng để bán trong điều kiện kinh doanh bình thường, hơn là nắm giữ nhằm mục đích cho thuê hoặc chờ tăng giá, được nắm giữ như là hàng tồn kho và được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- ▶ Quyền sử dụng đất;
- ▶ Chi phí xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng; và
- ▶ Chi phí vay, chi phí lập kế hoạch và thiết kế, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí cho các dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp, thuế chuyển nhượng bất động sản, chi phí xây dựng và các chi phí khác có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng hóa và các hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 5 năm
Khác	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản cố định và bất động sản đầu tư mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này như chi phí bồi thường, chi phí thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

3.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	49 – 50 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 – 12 năm
Cơ sở hạ tầng cho thuê	20 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán vào chi phí khi phát sinh.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.13 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ lợi nhuận lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia theo quyết định của Hội đồng Thành viên và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định pháp luật của Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo quyết định của Hội đồng Thành viên:

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

▶ **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được thành lập theo Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam.

3.17 *Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp*

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 nhằm mục đích hỗ trợ các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, bổ sung vốn điều lệ hoặc đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Nguồn thu của quỹ bao gồm các nguồn thu từ cổ phần hóa các công ty con của Tổng Công ty, nguồn thu từ việc sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các doanh nghiệp nhà nước, và các khoản thu khác.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu bán bất động sản kinh doanh

Doanh thu bán bất động sản kinh doanh được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức bằng tiền

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

Cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- ▶ Đối với các cổ phiếu Tổng Công ty nhận được từ việc chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Tổng Công ty ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tài chính tương ứng với số tiền cổ tức được chia; và
- ▶ Đối với cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức, Tổng Công ty căn cứ vào số lượng cổ phiếu nhận được và mệnh giá cổ phiếu, Tổng Công ty ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tài chính.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	73.985.300	124.653.360
Tiền gửi ngân hàng	449.840.632.169	104.984.666.503
Các khoản tương đương tiền	<u>337.100.000.000</u>	<u>107.198.533.930</u>
TỔNG CỘNG	<u>787.014.617.469</u>	<u>212.307.853.793</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,1% một năm.

Giao dịch trọng yếu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ như sau:

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm tiền thu được từ cổ phần hóa và bán phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành và Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Nhà Bến Thành. Các khoản này được nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty với giá trị là 409.926.339.634 VND.

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	VND
	Giá gốc	Giá trị thuần	Giá gốc	Giá trị thuần		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông ("OCB")	283.470.120.000	239.062.991.000	283.470.120.000	244.823.545.000	(38.646.575.000)	
Công ty Cổ phần Sài Gòn – Đà Lạt (*)	24.615.384.615	10.830.732.000	18.615.384.615	13.589.232.015	(5.026.152.600)	
Công ty Cổ phần Du Lịch Đắk Lắk	7.425.590.000	7.408.560.000	7.425.590.000	7.408.560.000	(17.030.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng Sài Gòn	6.092.580.000	6.092.580.000	6.092.580.000	6.092.580.000	-	
Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc Bài	6.360.000.000	6.360.000.000	6.360.000.000	6.360.000.000	-	
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn Thông Sài Gòn	-	-	29.234.770.000	19.587.295.900	(9.647.474.100)	
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Quảng Bình (**)	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Xuất Nhập khẩu Như Ngọc (**)	-	-	7.957.890.000	7.957.890.000	-	
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười (**)	-	-	3.176.916.000	2.070.000.000	(1.106.916.000)	
TỔNG CỘNG	327.963.674.615	269.754.863.000	375.333.250.615	320.889.102.915	(54.444.147.700)	

(*) Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐTV ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Công văn số 5713/UBND-CNN ngày 4 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, khi cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Bến Thành, khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt có giá trị 6.000.000.000 VND của Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển nhà Bến Thành được chuyển về Tổng Công ty theo giá gốc.

(**) Theo Công văn số 1118/UBND-CNN ngày 5 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch thoái vốn đầu tư của các doanh nghiệp nhà nước năm 2015, Tổng Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư vào thành khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như được trình bày tại các Thuyết minh số 13.2 và 13.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất 5,0% một năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã thu hồi khoản tiền gửi này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	7.897.646.593	2.388.791.979
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn Ô Tô Cần Thơ	3.812.889.450	-
- Công ty TNHH Vivablast Việt Nam	1.877.214.003	241.969.183
- Công ty TNHH Bảo Hiểm Liberty	493.042.106	446.366.189
- Trường THPT Quốc tế Mỹ	-	557.875.475
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật D&B	-	285.288.300
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.714.501.034	857.292.832
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	109.054.440	108.716.080
TỔNG CỘNG	8.006.701.033	2.497.508.059

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho bên khác	1.187.553.342	1.426.525.635
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	52.687.041.905	-
TỔNG CỘNG	53.874.595.247	1.426.525.635

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bán bất động sản (*)	40.952.000.000	40.952.000.000
Phải thu lợi nhuận được chia (Thuyết minh số 30)	14.430.903.355	33.448.705.487
Tạm ứng cho nhân viên	1.803.038.200	3.833.507.359
Phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư	-	57.629.880.000
Phải thu ngắn hạn khác	6.142.090.880	7.993.678.220
TỔNG CỘNG	63.328.032.435	143.857.771.066
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên khác	48.717.129.080	109.909.930.579
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	14.610.903.355	33.947.840.487

(*) Khoản này thể hiện khoản phải thu từ việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ góp vốn vào dự án lô 3 – khu C, Dự án Bình Trưng Đông cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Tây theo Hợp đồng số 66/HĐCN-TCT ngày 30 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản tồn kho dở dang	136.465.258.987	122.397.675.940
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu B (*)</i>	<i>28.979.950.770</i>	<i>28.722.684.230</i>
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu C (**)</i>	<i>47.189.498.704</i>	<i>47.146.898.704</i>
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu D (***)</i>	<i>58.657.811.722</i>	<i>46.413.512.632</i>
<i>Khác</i>	<i>1.637.997.791</i>	<i>114.580.374</i>
Hàng hóa	810.000.000	1.074.772.727
Phụ tùng	255.607.497	390.428.166
TỔNG CỘNG	<u>137.530.866.484</u>	<u>123.862.876.833</u>

(*) Dự án này được hợp tác đầu tư cùng với Công ty P&D (“P&D”) theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư & Kinh doanh số 03/2003/HĐ-KT ngày 4 tháng 9 năm 2003 để đầu tư, xây dựng, kinh doanh nhà thuộc Dự án Khu dân cư Bình Trưng Đông – Cát Lái – Quận 2, Lô 3 – Tiểu khu B. Vốn góp của Tổng Công ty và P&D theo tỷ lệ tương ứng là 40% và 60%. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành, sản phẩm được phân chia cho các bên theo tỷ lệ tương ứng là 50% và 50%.

(**) Dự án này được hợp tác đầu tư cùng với Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Minh Xương (“Minh Xương”) và Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Công nghệ (“Công nghệ”) theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư & Kinh doanh số 01/HĐHTĐT-KD-04 ngày 6 tháng 5 năm 2004 để đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà thuộc Dự án Khu dân cư Bình Trưng Đông – Cát Lái – Quận 2, Lô 3 – Tiểu khu C. Vốn góp của Tổng Công ty, Minh Xương và Công nghệ theo tỷ lệ tương ứng là 40%, 40% và 20%. Sau khi dự án đầu tư xây dựng hoàn thành và sản phẩm được bán ra, lợi nhuận sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ tương ứng là 50%, 33,33% và 16,67%.

Vào ngày 30 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 40% quyền và nghĩa vụ góp vốn vào dự án này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Tây theo Hợp đồng số 66/HĐCN-TCT.

(***) Dự án này được hợp tác đầu tư cùng với Công ty TNHH SX – TM – XD & KD Nhà Ếm Ếm (“Ếm Ếm”) theo Hợp đồng Nguyên tắc về Hợp tác Kinh doanh số 01/2002 ngày 25 tháng 3 năm 2002 để đầu tư khai thác kinh doanh Dự án Khu quy hoạch nhà ở tại Tiểu khu số 27, Phường Cát Lái, Quận 2. Vốn góp của Tổng Công ty và Ếm Ếm theo tỷ lệ tương ứng là 50% và 50%. Sau khi dự án đầu tư hoàn thành, doanh thu hoặc sản phẩm hoàn thành sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn góp tương ứng.

Phần vốn góp nhận của các đối tác hợp tác đầu tư được ghi nhận như khoản phải trả dài hạn khác (*Thuyết minh số 18*).

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	34.572.074.016	9.028.855.308	4.137.685.131	646.081.853	48.384.696.308
Mua trong năm	-	1.436.674.215	-	-	1.436.674.215
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	179.947.916	-	-	-	179.947.916
Góp vốn hợp tác đầu tư	-	(558.463.840)	(531.189.709)	-	(1.089.653.549)
Giảm khác	(311.758.900)	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số cuối năm	34.440.263.032	9.907.065.683	3.606.495.422	616.081.853	48.569.905.990
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	10.879.779.766	436.628.761	1.490.780.877	374.642.862	13.181.832.266
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	19.396.501.938	4.584.062.149	2.401.647.179	511.509.158	26.893.720.424
Khấu hao trong năm Thanh lý	1.124.903.736	1.089.533.818	413.759.996	41.861.262	2.670.058.812
Góp vốn hợp tác đầu tư	-	(506.082.905)	(531.189.709)	-	(1.037.272.614)
Giảm khác	(311.758.900)	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số cuối năm	20.209.646.774	5.167.513.062	2.284.217.466	523.370.420	28.184.747.722
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	15.175.572.078	4.444.793.159	1.736.037.952	134.572.695	21.490.975.884
Số cuối năm	14.230.616.258	4.739.552.621	1.322.277.956	92.711.433	20.385.158.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và số cuối năm	<u>3.514.497.336</u>	<u>291.680.000</u>	<u>278.989.213</u>	<u>4.085.166.549</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	291.680.000	278.989.213	570.669.213
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	672.437.795	271.680.000	278.989.213	1.223.107.008
Hao mòn trong năm	<u>70.319.004</u>	<u>20.000.000</u>	-	<u>90.319.004</u>
Số cuối năm	<u>742.756.799</u>	<u>291.680.000</u>	<u>278.989.213</u>	<u>1.313.426.012</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>2.842.059.541</u>	<u>20.000.000</u>	-	<u>2.862.059.541</u>
Số cuối năm	<u>2.771.740.537</u>	-	-	<u>2.771.740.537</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Cơ sở hạ tầng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	20.885.556.740	39.163.253.848	20.527.837.092	80.576.647.680
Mua trong năm	-	-	224.435.000	224.435.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Góp vốn hợp tác đầu tư	(1.392.166.000)	(15.940.863.832)	-	(17.333.029.832)
Giảm khác	-	(10.308.149.395)	-	(10.308.149.395)
Số cuối năm	39.493.390.740	12.914.240.621	20.752.272.092	73.159.903.453
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>68.000.000</i>	<i>6.533.552.738</i>	<i>6.506.981.565</i>	<i>13.108.534.303</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	12.094.223.201	33.837.300.335	17.755.639.801	63.687.163.337
Khấu hao trong năm	3.100.159.832	895.921.708	530.490.326	4.526.571.866
Góp vốn hợp tác đầu tư	(409.396.385)	(11.917.373.855)	-	(12.326.770.240)
Giảm khác	-	(10.308.149.395)	-	(10.308.149.395)
Số cuối năm	14.784.986.648	12.507.698.793	18.286.130.127	45.578.815.568
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>8.791.333.539</u>	<u>5.325.953.513</u>	<u>2.772.197.291</u>	<u>16.889.484.343</u>
Số cuối năm	<u>24.708.404.092</u>	<u>406.541.828</u>	<u>2.466.141.965</u>	<u>27.581.087.885</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Cát Lái (*)	349.738.726.791	248.717.811.788
Dự án Bến Thành Hồ Tràm	27.101.800.315	25.524.526.477
Dự án Tân Đông Hiệp (**)	7.974.399.082	2.118.330.389
Khác	3.215.874.984	1.930.786.940
TỔNG CỘNG	<u>388.030.801.172</u>	<u>278.291.455.594</u>

(*) Theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 28/HĐ-HTKD ngày 14 tháng 7 năm 2006, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ-TCT ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Biên bản Thỏa thuận về việc chuyển giao chủ thể ký kết hợp đồng ngày 20 tháng 1 năm 2014, Tổng Công ty hợp tác với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương (“Hướng Dương”) để đầu Dự án Khu Dịch vụ cảng và Dân cư Cát Lái (cụm IV) (“Dự án Cát Lái”) tại Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn góp của Tổng Công ty và Hướng Dương theo tỷ lệ tương ứng là 60% và 40%.

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2014, theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp Tổng Công ty Bến Thành trong Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 28/HĐ-HTKD (“Hợp đồng chuyển nhượng”), Tổng Công ty đồng ý chuyển nhượng cho Hướng Dương 55% quyền, quyền lợi, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Công ty trong Dự án Cát Lái. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã nhận tiền đặt cọc của Hướng Dương là 94.500.000.000 VND (*Thuyết minh số 18*). Việc chuyển nhượng vẫn chưa được hoàn tất vì chưa thỏa các điều kiện quy định trong Hợp đồng chuyển nhượng vào ngày lập báo cáo này.

(**) Vào ngày 12 tháng 2 năm 2015, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 03/HĐHT-TCT với Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng HHA (“HHA”) để đầu tư Dự án Khu dân cư Tân Đông Hiệp tại Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vốn góp của Tổng Công ty và HHA theo tỷ lệ tương ứng là 51% và 49%. Sau khi hoàn tất một số thủ tục và hoàn tất đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hai bên sẽ phân chia sản phẩm tương ứng theo tỷ lệ góp vốn của các bên hoặc một tỷ lệ khác do hai bên thỏa thuận.

Phần vốn góp nhận của các đối tác hợp tác đầu tư được ghi nhận như khoản phải trả dài hạn khác (*Thuyết minh số 18*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng	VND
	Giá gốc	Giá trị thuần	Giá gốc	Giá trị thuần			
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 13.1)	-	-	408.502.578.381	408.502.578.381	-	-	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 13.2)	1.000.261.226.401	988.626.599.625	724.538.776.401	666.197.495.892	(11.634.626.776)	(58.341.280.509)	
Đầu tư vào công ty liên doanh (Thuyết minh 13.3)	288.770.463.505	288.770.463.505	288.770.463.505	288.770.463.505	-	-	
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh 13.4)	6.641.716.000	6.007.000.108	(634.715.892)	-	-	-	
TỔNG CỘNG	1.295.673.405.906	1.283.404.063.238	1.421.811.818.287	1.363.470.537.778	(12.269.342.668)	(58.341.280.509)	

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	Dự phòng	VND
	% sở hữu	Giá trị đầu tư	% sở hữu	Giá trị đầu tư			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành) (*)	-	-	100,00%	264.548.400.000	-	-	
Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành (tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Bến Thành) (**)	-	-	100,00%	139.284.178.381	-	-	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Giày Dép Nam Á (***)	-	-	58,38%	4.670.000.000	-	-	
TỔNG CỘNG	-	-		408.502.578.381	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành ("Du lịch Bến Thành") được cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 3 tháng 3 năm 2015, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 0301171827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ nắm giữ 49% vốn điều lệ của Du lịch Bến Thành sau khi cổ phần hóa. Do vậy, từ ngày 3 tháng 3 năm 2015, khoản đầu tư vào Du lịch Bến Thành được chuyển thành khoản đầu tư vào công ty liên kết (*Thuyết minh số 13.2*).
- (**) Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Nhà Bén Thành ("Phát triển Nhà Bén Thành") được cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 số 0300842751 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ nắm giữ 49% vốn điều lệ của Nhà Bén Thành sau khi cổ phần hóa. Do vậy, từ ngày 30 tháng 9 năm 2015, khoản đầu tư vào Phát triển Nhà Bén Thành được chuyển thành khoản đầu tư vào công ty liên kết (*Thuyết minh số 13.2*).
- (***) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Giày Dép Nam Á phát hành thêm 400.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, người lao động và đối tác chiến lược để tăng vốn. Do đó, phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Giày Dép Nam Á giảm còn 49,04% và trở thành công ty liên kết (*Thuyết minh số 13.2*).

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư	% sở hữu	Giá trị đầu tư	
Cổ phiếu niêm yết			VND		VND	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Kinh doanh thực phẩm, nông sản và dịch vụ nhà hàng khách sạn	47,11%	14.835.620.500	47,11%	14.835.620.500	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành ("Bến Thành TSC") (*)	Kinh doanh các sản phẩm may mặc, thực phẩm và nông sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản và đầu tư tài chính	43,39%	69.161.453.251	43,39%	69.161.453.251	Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	
<i>Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)</i>						
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("SAVICO") (*)	Kinh doanh xe máy và ô tô, kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính	40,81%	199.358.524.042	40,81%	199.358.524.042	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Vật tư Bến Thành	Kinh doanh nhựa, sắt thép và xuất nhập khẩu	33,97%	6.762.600.000	33,97%	6.762.600.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội ("KHAHOMEX") (*)	Kinh doanh dịch vụ bất động sản	31,39%	62.020.580.040	31,39%	62.020.580.040	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm và dịch vụ bất động sản	24,99%	19.914.884.568	24,99%	19.914.884.568	Thành phố Hồ Chí Minh
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>						
Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành	Sản xuất, kinh doanh vàng bạc đá quý, trang sức và dịch vụ	49,90%	43.070.000.000	49,90%	43.070.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Hàng xuất khẩu Tân Bình	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc, túi xách và giày dép	49,39%	8.890.420.000	49,39%	8.890.420.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Giày Dép Nam Á	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm giày dép	49,04%	5.884.200.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Du lịch và dịch vụ khác	49,00%	122.500.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành	Phát triển và kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng	49,00%	39.200.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Bến Thành Hoàng Thành	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	49,00%	18.629.800.000	49,00%	18.629.800.000	Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (tiếp theo)</i>						
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	In ấn, sản xuất và kinh doanh băng đĩa nghe nhìn	48,57%	16.830.000.000	48,57%	16.830.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Mũi Né	Du lịch	47,79%	41.786.400.000	47,79%	41.786.400.000	Bình Thuận
Công ty TNHH Bến Thành Nam An	Dịch vụ nhà hàng	40,00%	400.000.000	40,00%	400.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Du Lịch Huế	Du lịch, dịch vụ nhà hàng	39,32%	27.417.820.000	39,32%	27.417.820.000	Huế
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Bến Thành	Xây dựng, thiết kế và dịch vụ bất động sản	36,98%	19.227.000.000	36,98%	19.227.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Nhà hàng Cầu lạc bộ Maxim	Dịch vụ nhà hàng	35,00%	1.750.000.000	35,00%	1.750.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Mũi Né	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	34,00%	5.100.000.000	34,00%	5.100.000.000	Bình Thuận
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	30,90%	48.610.000.000	30,90%	48.610.000.000	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Kinh doanh thực phẩm, nông sản và dịch vụ nhà hàng	30,60%	28.917.000.000	28,69%	15.147.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Như Ngọc	Kinh doanh dịch vụ bất động sản	30,03%	7.957.890.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Sản xuất và kinh doanh ốc vít	29,80%	17.513.160.000	29,80%	14.010.530.000	Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư	% sở hữu	Giá trị đầu tư	
			VND		VND	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (tiếp theo)</i>						
Công ty TNHH Bến Thành – Sao Thủy (**)	Kinh doanh bất động sản	28,00%	146.720.000.000	-	-	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh ô tô và dịch vụ	23,13%	14.803.874.000	23,13%	14.803.874.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Quảng Bình	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	20,00%	13.000.000.000	-	-	Quảng Bình
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Dịch vụ giao nhận và kho vận	-	-	30,00%	45.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Bến Thành – Long Hải	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	-	-	39,62%	19.812.270.000	Bà Rịa – Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Cơ Khí Tân Bình	Dịch vụ nhà hàng tiệc cưới	-	-	34,29%	12.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			1.000.261.226.401		724.538.776.401	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			(11.634.626.776)		(58.341.280.509)	
GIÁ TRỊ THUẬN			988.626.599.625		666.197.495.892	

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số cổ phiếu của các công ty này được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2).

(**) Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐTV ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Công văn số 5713/UBND-CNIN ngày 4 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, khi tiến hành cổ phần hóa Phát triển Nhà Bến Thành, khoản đầu tư tài chính vào Công ty TNHH Bến Thành – Sao Thủy có giá trị 146.200.000.000 VND được chuyển về Tổng Công ty theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư vào công ty liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành – Norfolk	Dịch vụ cho thuê căn hộ và văn phòng	40,00%	8.055.114.740	40,00%	8.055.114.740	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Plaza ("Khách sạn Sofitel Sài Gòn")	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	35,00%	77.578.473.760	35,00%	77.578.473.760	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Nhóm Định hình Sapa – Bến Thành	Sản xuất nhóm	35,00%	53.849.879.500	35,00%	53.849.879.500	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Liên doanh Căn hộ & Văn phòng Sài Gòn	Dịch vụ cho thuê căn hộ và văn phòng	33,00%	51.928.120.165	33,00%	51.928.120.165	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Bến Thành – RSC	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	32,00%	53.677.860.000	32,00%	53.677.860.000	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Riverside ("Khách sạn Saigon Riverside")	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	28,00%	43.681.015.340	28,00%	43.681.015.340	Thành phố Hồ Chí Minh
TỔNG CỘNG			288.770.463.505		288.770.463.505	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm
		% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	% sở hữu	Giá trị đầu tư VND	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>						
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Tháng Mười	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	8,52%	3.176.916.000	-	-	Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ (*)	Dịch vụ nhà hàng khách sạn	3,96%	3.464.800.000	-	-	Ninh Thuận
TỔNG CỘNG			6.641.716.000	-	-	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			(634.715.892)	-	-	
GIÁ TRỊ THUẬN			6.007.000.108	-	-	

(*) Theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐTV ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty, Công văn số 5713/UBND-CNN ngày 4 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, khi tiến hành cổ phần hóa Phát triển Nhà Bến Thành, khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Ninh Chữ có giá trị 3.464.800.000 VND được chuyển về Tổng Công ty theo giá gốc.

13.5 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	58.341.280.509	68.198.577.614
Dự phòng trích lập trong năm	1.511.560.743	2.468.612.079
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(47.583.498.584)	(12.325.909.184)
Số cuối năm	12.269.342.668	58.341.280.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	13.065.777.441	15.346.855.541
Khác	294.843.081	10.856.223
TỔNG CỘNG	<u>13.360.620.522</u>	<u>15.357.711.764</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải nộp		
Thuế giá trị gia tăng	843.286.719	521.085.743
Thuế thu nhập cá nhân	434.847.288	228.897.124
TỔNG CỘNG	<u>1.278.134.007</u>	<u>749.982.867</u>

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	2.005.530.628	3.592.861.339
Tiền thuê đất	314.725.284	-
TỔNG CỘNG	<u>2.320.255.912</u>	<u>3.592.861.339</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thực hiện Công trình Bình Trưng Đông – Khu B	30.890.546.418	30.890.546.418
Chi phí lãi vay	184.184.337	159.382.817
Chi phí khác	855.842.752	2.246.405.993
TỔNG CỘNG	<u>31.930.573.507</u>	<u>33.296.335.228</u>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền thuê đất và mặt bằng nhận trước của các khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	136.233.372.718	39.790.736.573
Nhận đặt cọc chuyển nhượng dự án Cát Lái (Thuyết minh số 12)	94.500.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	36.000.000.000	36.000.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	548.205.184	19.134.000
Phải trả ngắn hạn khác	5.185.167.534	3.771.602.573
Dài hạn	421.898.982.120	310.608.067.305
Vốn góp từ các đối tác hợp tác kinh doanh	308.229.374.854	162.721.636.919
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự án Cát Lái</i>	177.736.210.850	81.559.500.850
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu B</i>	25.553.457.760	18.898.571.275
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu C</i>	47.947.522.794	47.947.522.794
<i>Dự án Bình Trưng Đông – Khu D</i>	15.017.183.450	14.316.042.000
<i>Dự án Tân Đông Hiệp</i>	41.975.000.000	-
Vốn góp của khách hàng mua bất động sản	87.062.277.500	84.947.077.500
Nhận ký quỹ, ký cược	25.607.329.766	61.939.352.886
Phải trả dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	558.132.354.838	350.398.803.878
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên khác (*)</i>	554.778.946.899	347.304.069.826
<i>Phải trả cho bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 30)</i>	3.353.407.939	3.094.734.052

(*) Bao gồm trong khoản phải trả cho bên khác có khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành ("Tân cảng Bến Thành") giá trị là 36.000.000.000 VND. Trong năm, Tổng Công ty đã thoái vốn khỏi Tân Cảng Bến Thành. Do đó, vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tân Cảng Bến Thành không phải là bên liên quan của Tổng Công ty.

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	141.001.840.000	39.266.952.144
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	127.685.840.000	9.540.952.144
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	13.316.000.000	29.726.000.000
Dài hạn	31.631.000.000	44.947.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	31.631.000.000	44.947.000.000
TỔNG CỘNG	172.632.840.000	84.213.952.144

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	39.266.952.144	44.947.000.000
Tiền thu từ đi vay	223.258.126.000	-
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	13.316.000.000	(13.316.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(134.839.238.144)	-
Số cuối năm	141.001.840.000	31.631.000.000

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1. Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	57.245.000.000	Ngày 11 tháng 3 năm 2016	4,40	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	70.440.840.000	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2016 đến ngày 11 tháng 3 năm 2016	4,70	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>127.685.840.000</u>			

Các khoản vay này được thực hiện nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng Công ty.

19.2. Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Hội sở chính	24.947.000.000	Từ ngày 28 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 11 năm 2018	Thả nổi (từ 8,70 đến 10,30)	8.300.000 cổ phiếu SAVICO, 3.528.000 cổ phiếu KHAHOMEX, và 1.880.000 cổ phiếu Bến Thành TSC
Khoản vay 1				
Khoản vay 2	20.000.000.000	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 18 tháng 11 năm 2019	Thả nổi (từ 8,00 đến 9,20)	
TỔNG CỘNG	<u>44.947.000.000</u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

13.316.000.000

Các khoản vay này được thực hiện nhằm mục đích tài trợ cho các khoản đầu tư của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	7.533.904.778	6.676.093.580
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 22.1)	4.347.040.201	6.802.251.617
Sử dụng quỹ	<u>(6.969.312.585)</u>	<u>(5.944.440.419)</u>
Số cuối năm	<u>4.911.632.394</u>	<u>7.533.904.778</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	-	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 22.1) (*)	5.000.000.000	-
Sử dụng quỹ	<u>(178.489.978)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>4.821.510.022</u>	<u>-</u>

(*) Khoản này được trích lập theo công văn số 990/UBND-CNN ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 23/QĐ-HDTV ngày 18 tháng 3 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty.

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Tổng cộng	VND
Năm trước:							
Số đầu năm	1.707.188.000.000	17.917.584.000	31.028.160.234	208.882.166.905	31.176.824.494	1.996.192.735.633	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	139.642.815.577	-	139.642.815.577	
Trích quỹ trong năm	-	-	94.249.871.985	(94.249.871.985)	-	-	
Tăng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	(298.513.808)	950.324.649	651.810.841	
Chi lợi nhuận cho đối tác liên doanh	-	-	-	(1.499.504.644)	-	(1.499.504.644)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.802.251.617)	-	(6.802.251.617)	
Chuyển lợi nhuận (*)	-	-	-	(146.387.510.911)	-	(146.387.510.911)	
Khác	-	-	-	718.344.587	-	718.344.587	
Số cuối năm	1.707.188.000.000	17.917.584.000	125.278.032.219	100.005.674.104	32.127.149.143	1.982.516.439.466	

(*) Khoản lợi nhuận này được chuyển về Ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Tổng cộng
Năm nay:						
Số đầu năm	1.707.188.000.000	17.917.584.000	125.278.032.219	100.005.674.104	32.127.149.143	1.982.516.439.466
Điều chỉnh giảm quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	(1.771.158.397)	1.771.158.397	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển năm nay (ii)	-	-	40.386.683.052	(40.386.683.052)	-	-
Tăng vốn (iii)	56.100.621.619	-	-	-	-	56.100.621.619
Giảm vốn (iv)	(142.048.400.000)	-	-	-	-	(142.048.400.000)
Điều chuyển sang vốn góp (v)	181.811.140.874	(17.917.584.000)	(163.893.556.874)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	160.256.114.871	-	160.256.114.871
Tăng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	411.491.836.189	411.491.836.189
Chia lợi nhuận cho đối tác liên doanh, hợp tác kinh doanh (ii)	-	-	-	(20.538.737)	-	(20.538.737)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(4.347.040.201)	-	(4.347.040.201)
Trích quỹ đầu tư khoa học và công nghệ (ii)	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Chuyển lợi nhuận	-	-	-	(131.196.842.466)	-	(131.196.842.466)
Giảm khác	-	-	-	(1.519.771.729)	-	(1.519.771.729)
Số cuối năm	1.803.051.362.493	-	-	79.562.071.187	443.618.985.332	2.326.232.419.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Quỹ đầu tư phát triển được điều chỉnh sau khi nhận được công văn số 6850/UBND-TM ngày 9 tháng 11 năm 2015 và số 7184/UBND-TM ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2012, năm 2013 của Tổng Công ty.
- (ii) Các khoản này được tạm trích theo Quyết định của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty.
- (iii) Tổng Công ty tăng vốn từ việc cổ phần hóa Phát triển Nhà Bến Thành.
- (iv) Tổng Công ty giảm vốn do thoái một phần vốn góp vào Du lịch Bến Thành khi cổ phần hóa.
- (v) Tổng Công ty tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển và vốn khác theo Quyết định số 4396/QĐ-UBND ngày 7 tháng 9 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

22.2 Vốn điều lệ

	<i>Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh</i>		<i>VND</i>
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>
	<i>VND</i>	<i>%</i>	
Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	1.936.407.000.000	100	1.803.051.362.493

Theo Quyết định số 4396/QĐ-UBND ngày 7 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên 1.936.407.000.000 VND. Theo đó, Tổng Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 19 tháng 11 năm 2015.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Doanh thu bán hàng hóa	173.130.153.143	8.331.824.949
Doanh thu cho thuê tài sản	21.681.144.799	34.230.428.174
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	19.636.093.893	19.971.316.134
Doanh thu bán bất động sản	-	89.907.000.000
Doanh thu khác	19.853.799.294	17.714.958.544
TỔNG CỘNG	234.301.191.129	170.155.527.801
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>222.826.661.781</i>	<i>159.676.468.587</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>11.474.529.348</i>	<i>10.479.059.214</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	116.710.767.228	157.400.743.139
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.789.861.864	8.982.910.063
Lãi từ đầu tư chứng khoán	9.181.227.000	7.604.576.000
Khác	2.261.449.549	2.280.850.582
TỔNG CỘNG	<u>142.943.305.641</u>	<u>176.269.079.784</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	171.093.400.912	8.149.975.580
Giá vốn cho thuê tài sản	9.483.976.082	3.057.434.947
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	4.824.231.397	3.488.845.295
Giá vốn bán bất động sản	-	64.884.612.508
Giá vốn khác	14.875.559.510	14.493.307.083
TỔNG CỘNG	<u>200.277.167.901</u>	<u>94.074.175.413</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.720.369.898	21.594.555.568
Chi phí nhân viên	15.644.658.801	14.388.994.044
Chi phí khấu hao và hao mòn	870.071.392	1.708.484.829
Chi phí quản lý khác	5.778.975.723	5.054.543.798
TỔNG CỘNG	<u>43.014.075.814</u>	<u>42.746.578.239</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư	(42.307.273.926)	35.690.107.495
Lỗ do bán chứng khoán	7.846.620.416	-
Chi phí lãi vay	7.433.619.220	9.923.654.441
Chi phí bán chứng khoán	-	1.727.549.144
TỔNG CỘNG	<u>(27.027.034.290)</u>	<u>47.341.311.080</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	3.269.091.911	4.517.951.322
Thu nhập từ việc cử đại diện vốn	2.620.066.989	2.249.390.900
Phạt tiền lãi chậm góp vốn, thanh toán	85.000.000	1.367.108.502
Thu nhập khác	564.024.922	901.451.920
Chi phí khác	(2.408.426.735)	(21.326.384.011)
Chi phí từ việc cử đại diện vốn	(2.257.891.743)	(1.905.171.474)
Chậm nộp	(26.117.003)	(5.677.938.277)
Chi phí bồi thường hợp đồng	-	(7.055.000.000)
Chi phí dự án không được vốn hóa	-	(6.588.852.323)
Chi phí khác	(124.417.989)	(99.421.937)
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	860.665.176	(16.808.432.689)

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	177.127.387.289	76.774.804.924
Chi phí nhân công	20.827.399.929	19.998.671.863
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 9, 10 và 11)	7.286.949.682	4.768.881.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.072.364.329	31.008.139.883
Chi phí khác	9.000.852.201	20.977.406.751
TỔNG CỘNG	258.314.953.430	153.527.904.838

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Tổng Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Tổng Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế).

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	160.884.825.853	145.148.034.025
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	1.400.324.681	12.045.830.286
Cổ tức được nhận	<u>(116.710.767.228)</u>	<u>(157.400.743.139)</u>
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) chưa căn trừ lỗ năm trước	45.574.383.306	(206.878.828)
<i>Trong đó</i>		
Hoạt động chính	42.716.606.113	(206.878.828)
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.857.777.193	-
Lỗ năm trước chuyển sang	<u>(42.716.606.113)</u>	<u>-</u>
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính	2.857.777.193	(206.878.828)
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	628.710.982	5.505.218.448
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(3.592.861.339)	(1.637.239.610)
Thuế TNDN nộp thiếu năm trước	1.519.771.729	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(561.152.000)</u>	<u>(7.460.840.177)</u>
Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	<u>(2.005.530.628)</u>	<u>(3.592.861.339)</u>

29.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn trích trước cho dự án Bình Trưng Đông – Khu B	1.867.270.660	1.867.270.660	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>1.867.270.660</u>	<u>1.867.270.660</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Lỗ chuyển sang từ các năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính sang kỳ sau để bù trừ với thu nhập thu được từ hoạt động kinh doanh chính trong vòng năm (5) năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có khoản lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh chính với giá trị là 36.289.661.153 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 79.006.267.266 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND				
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2010	2015	6.142.177.760	(6.142.177.760)	-
2011	2016	51.112.847.904	(40.053.785.797)	11.059.062.107
2014	2019	25.230.599.046	-	25.230.599.046
TỔNG CỘNG		82.485.624.710	(46.195.963.557)	36.289.661.153

Khoản lỗ tính thuế ước tính nêu trên đã được kiểm tra và quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 36.289.661.153 VND do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai.

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ Cổ tức được nhận Doanh thu bán hàng hóa	3.050.551.502 17.000.000 - -	2.587.409.366 124.300.000 31.300.267.955 320.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Cung cấp dịch vụ Thu nhập tiền lãi Sử dụng dịch vụ	14.200.000.000 444.500.000 - -	10.062.940.688 171.000.000 3.400.666.666 92.727.273
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Giày dép Nam Á	Công ty liên kết	Góp vốn Doanh thu dịch vụ Cổ tức được nhận	1.214.200.000 2.800.000 1.027.400.000	- - 653.800.000
Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Plaza	Công ty liên doanh	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ	7.484.750.000 418.564.510 55.145.455	- - -
Công ty Liên doanh Căn hộ & Văn phòng Sài Gòn	Công ty liên doanh	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ	19.439.139.613 22.010.625	16.198.117.902 29.390.550
Công ty TNHH Bến Thành – RSC	Công ty liên doanh	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Cho vay ngắn hạn	14.400.000.000 57.621.273 -	- 25.429.091 7.997.952.000
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành – Norfolk	Công ty liên doanh	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ	5.816.714.261 14.931.001	4.341.644.194 -
Công ty TNHH Nhóm Định hình Sapa – Bến Thành	Công ty liên doanh	Phí xử lý nước thải	1.085.539.040	812.256.900

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Riverside	Công ty liên doanh	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	4.665.472.000 87.583.400 3.100.000	-	147.317.041
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ Mua công cụ, dụng cụ Vay ngắn hạn Chi phí lãi vay	6.898.960.500 56.683.091 50.913.727 4.850.000 - -	-	12.878.059.600 11.158.000 53.452.907 5.000.000.000 1.914.583.326
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ Sử dụng dịch vụ Cổ tức được nhận	158.022.727 130.000.000 12.231.387.600	-	-
Công ty Cổ phần Vật tư Bến Thành	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ Cổ tức được nhận Cho vay ngắn hạn Chi phí lãi vay	368.457.800 270.504.000 - -	-	311.619.200 811.512.000 7.000.000.000 41.562.500
Công ty TNHH Bến Thành Nam An	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê Sử dụng dịch vụ Cổ tức được nhận	3.873.900.000 292.833.188 -	-	3.873.900.000 113.873.655 120.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức, lợi nhuận được chia Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ	3.043.113.355 1.058.231.797 606.403.548	-	2.873.768.000 2.145.935.366 1.978.790.354
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty liên kết	Mua hàng hóa Mua phụ tùng Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ Doanh thu bán hàng hóa	147.542.945.454 5.667.538.937 2.220.480.000 1.649.455.923 -	-	5.344.283.113 740.160.000 222.727.273 60.000.000

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và dịch vụ Khánh Hội (tiền thân là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội)	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ	11.220.683.600 17.150.000	4.808.864.400 8.600.000
Công ty TNHH Nhà hàng Cầu lạc bộ Maxim	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê Lợi nhuận được chia Thu lãi trả chậm Sử dụng dịch vụ	2.796.431.675 618.000.000 85.000.000 -	3.798.818.180 126.000.000 82.348.000 139.862.163
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ	1.968.225.000 3.450.000	2.886.730.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ Cổ tức được nhận	107.647.260 -	224.212.663 2.192.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Mũi Né	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	2.040.000.000	2.210.000.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ Mua dụng cụ	3.702.600.000 436.438.000 114.164.500	1.514.700.000 388.244.100 94.380.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh nhà Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ	2.306.910.000 3.100.000	1.442.025.000 512.130.561
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Công ty liên kết	Góp vốn Cổ tức được nhận Doanh thu cho thuê Doanh thu dịch vụ	3.502.630.000 1.541.158.300 775.396.000 456.270.000	- 840.631.800 775.396.000 221.600.000

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Công ty liên kết	Góp vốn Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ	13.770.000.000 963.900.000 197.559.402 10.300.000	- 963.900.000 146.932.364 -
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ Mua hàng hóa	473.872.200 9.875.000 -	- 6.138.000 713.790.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Hàng xuất khẩu Tân Bình	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Sử dụng dịch vụ Doanh thu dịch vụ	133.359.800 73.405.455 5.400.000	158.757.500 - -
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Như Ngọc	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Doanh thu dịch vụ Sử dụng dịch vụ	397.894.500 1.400.000 -	- - 20.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Mũi Né	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	49.473.780	17.949.998
Công ty TNHH Bến Thành Hoàng Thành	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	-	4.410.000.000

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty TNHH Nhóm Định hình Sapa – Bến Thành	Công ty liên doanh	Doanh thu dịch vụ	78.749.440	78.796.080	
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	29.920.000	29.920.000	
Công ty Cổ phần Vật Tư Bến Thành	Công ty liên kết	Doanh thu dịch vụ	385.000	-	
			109.054.440	108.716.080	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty liên kết	Ứng trước mua xe, phụ tùng	52.687.041.905	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức	14.200.000.000	17.086.987.016	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức	170.903.355	570.000.000	
Công ty TNHH Nhà hàng Cầu lạc bộ Maxim	Công ty liên kết	Cổ tức Cho thuê	60.000.000 180.000.000	- 480.001.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Công ty liên kết	Cổ tức	-	15.791.718.471	
Công ty Cổ phần và Công nghiệp Thương mại Lidovit	Công ty liên kết	Phải thu về cổ phần hóa	-	19.134.000	
			14.610.903.355	33.947.840.487	

Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Công ty liên kết	Phải trả về cổ phần hóa Mua dụng cụ	548.205.184	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	4.667.220	500.000
Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Bến Thành	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	7.340.630	4.523.580
Công ty Liên doanh Khách sạn Sài Gòn Riverside	Công ty liên doanh	Chi phí trả hộ	1.999.305	-
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành – Norfolk	Công ty liên doanh	Chi phí trả hộ	831.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty liên kết	Chi phí trả hộ	-	50.000.000
		Lợi nhuận phải trả	-	29.346.472
			563.043.939	84.370.052
Phải trả dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên kết	Góp vốn vào dự án	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Nhà hàng Cầu lạc bộ Maxim	Công ty liên kết	Ký quỹ	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH Bến Thành Nam An	Công ty liên kết	Ký quỹ	583.940.000	583.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành	Công ty liên kết	Ký quỹ	190.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Thương mại Lidovit	Công ty liên kết	Ký quỹ	166.424.000	166.424.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty liên kết	Ký quỹ	50.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển và Dịch vụ Nhà Bến Thành	Công ty liên kết	Ký quỹ	-	110.000.000
			2.790.364.000	3.010.364.000
			3.353.407.939	3.094.734.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê

Tổng Công ty đã có cam kết theo các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản chi phí thuê đất tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.961.637.994	2.797.458.863
Trên 1 – 5 năm	15.845.804.030	8.470.891.692
Trên 5 năm	<u>140.905.792.197</u>	<u>80.583.960.882</u>
TỔNG CỘNG	<u>160.713.234.221</u>	<u>91.852.311.437</u>

Tổng Công ty là bên cho thuê

Tổng Công ty đã cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Bình Chiểu theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản doanh thu thuê đất tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.163.009.820	1.163.009.820
Trên 1 – 5 năm	1.981.981.475	3.090.170.530
Trên 5 năm	<u>1.122.928.446</u>	<u>1.616.714.365</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.267.919.741</u>	<u>5.869.894.715</u>

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Phải thu ngắn hạn khác	139.966.263.707	3.891.507.359	143.857.771.066
Tài sản ngắn hạn khác	8.293.080.233	(3.891.507.359)	4.401.572.874
Tài sản dài hạn khác	2.345.837.211	(397.000.000)	1.948.837.211
Phải thu dài hạn khác	-	397.000.000	397.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	2.502.028.544	2.502.028.544
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	5.779.375.936	(2.502.028.544)	3.277.347.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

	Năm nay (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Tăng các khoản phải trả	26.312.747.944	54.567.594.640	80.880.342.584
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	54.601.615.058	(54.567.594.640)	34.020.418

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 25 tháng 2 năm 2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 750/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành viên, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ngoài ra, không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.



Huỳnh Kim Tâm
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Bình Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2016